

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0144001 - Thực tập cơ bản

STC : 3(45,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Đỗ Ngọc	Đạt	3641010320	10/02/1992		6,00	6,00	
2	Lưu Xuân	Thân	3641010325	21/04/1990		6,00	6,00	
3	Lê Quốc	Anh	3641010327	26/01/1994		9,00	9,00	
4	Nguyễn Thanh	Hoàng	3641010332	29/01/1994		6,00	6,00	
5	Nguyễn Phạm	Phương	3641010334	28/04/1994		,00	,00	
6	Lý Thanh	Hải	3641010335	28/09/1993		6,00	6,00	
7	Nguyễn Đức	Công	3641010339	20/09/1992		,00	,00	
8	Lê Hùng	Công	3641010342	17/08/1993		,00	,00	
9	Đỗ Văn	Nhất	3641010344	02/01/1994		,00	,00	
10	Trần Minh	Tân	3641010353	04/04/1993		8,00	8,00	
11	Lê Văn	Hậu	3641010355	25/03/1994		8,00	8,00	
12	Nguyễn Thanh	Duy	3641010360	27/01/1994		8,00	8,00	
13	Lê Hoài	Nam	3641010361	01/05/1987		,00	,00	
14	Nguyễn Tiến	Đức	3641010365	28/02/1992		8,00	8,00	
15	Nguyễn Bá	Thọ	3641010366	14/08/1994		6,00	6,00	
16	Võ Nguyên	Vũ	3641010368	21/11/1994		,00	,00	
17	Nguyễn Đức	Tiến	3641010372	02/07/1993		7,00	7,00	
18	Nguyễn Hoàng	Phúc	3641010378	16/03/1991		5,00	5,00	
19	Hoàng Trọng	Mẫn	3641010385	21/01/1994		7,00	7,00	
20	Phạm Lê	Tường	3641010386	21/12/1994		5,00	5,00	
21	Nguyễn Tiến	Thành	3641010389	21/08/1993		7,00	7,00	
22	Trần Văn	Nghiêm	3641010402	16/01/1993		7,00	7,00	
23	Đỗ Hữu	Điền	3641010410	09/10/1994		7,00	7,00	
24	Tôn Thanh	Tâm	3641010412	08/10/1994		8,00	8,00	
25	Dương Hữu	Công	3641010413	21/07/1993		,00	,00	
26	Kinh Quang	Sang	3641010417	27/09/1994		6,00	6,00	
27	Mai Văn	Hùng	3641010420	20/09/1994		6,00	6,00	
28	Nguyễn Trọng	Nhân	3641010426	25/12/1993		9,00	9,00	
29	Trần Đức	Tài	3641010442	19/07/1994		6,00	6,00	
30	Đoàn Công	Sang	3641010444	28/02/1994		6,00	6,00	
31	Trần Trọng	Vinh	3641010445	11/05/1994		6,00	6,00	
32	Phan Ngọc	Tự	3641010448	22/03/1993		7,00	7,00	
33	Lê Công	Mến	3641010452	27/01/1993		6,00	6,00	
34	Nguyễn Trường	An	3641010465	01/03/1994		5,00	5,00	
35	Trần Trung	Trinh	3641010468	20/11/1992		8,00	8,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Văn	Tuấn	3641010477	11/09/1994		7,00	7,00	
37	Nguyễn Văn	Thắng	3641010487	10/10/1993		8,00	8,00	
38	Nguyễn Quốc	Thắng	3641010489	16/07/1991		6,00	6,00	
39	Đoàn Minh	Quang	3641010494	20/11/1994		9,00	9,00	
40	Nguyễn Trọng	Thanh	3641010496	17/05/1991		6,00	6,00	
41	Nguyễn Tuấn	Dũng	3641010499	01/01/1994		7,00	7,00	
42	Phạm Duy	Vĩ	3641010500	20/03/1994		,00	,00	
43	Hà Công	Nam	3641010502	18/08/1993		7,00	7,00	
44	Nguyễn	Tuấn	3641010511	12/09/1994		,00	,00	
45	Huỳnh Lê Trung	Tĩnh	3641010513	16/10/1994		,00	,00	
46	Nguyễn Lê Tuấn	Lợi	3641010520	29/10/1993		,00	,00	
47	Trương Văn	Tạo	3641010521	26/08/1992		6,00	6,00	
48	Trần Văn	Phúc	3641010522	27/08/1994		,00	,00	
49	Nguyễn Tấn	Kha	3641010528	20/02/1994		5,00	5,00	
50	Nguyễn Hoàng	Diệp	3641011998	04/01/1993		9,00	9,00	
51	Đặng Quang	Thịnh	3641012007	19/04/1993		6,00	6,00	
52	Nguyễn Đức	Cánh	3641012008	19/03/1993		6,00	6,00	
53	Nguyễn Hữu	Hiệp	3641012009	17/07/1994		7,00	7,00	
54	Trần Chí	Cường	3641012011	07/03/1993		8,00	8,00	
55	Nguyễn Thành	Nghiêm	3641012016	18/01/1994		5,00	5,00	
56	Lê Văn	Nghĩa	3641012039	07/01/1994		7,00	7,00	
57	Nguyễn Hoàng	Chương	3641012075	26/03/1993		,00	,00	
58	Bùi Hoàng	Dương	3641012121	15/01/1992		8,00	8,00	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)